



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 09/2020

MỤC LỤC tháng 09/2020

1

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp.
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế.

2

KIỆN THỨC PHÁP LUẬT

- Chính sách doanh nghiệp, kiểm toán có hiệu lực từ tháng 9/2020.
- Hóa đơn điện tử có được đính kèm bảng kê.
- Hướng dẫn cách kê khai bổ sung tờ khai thuế GTGT.
- Hủy hóa đơn điện tử đã phát hành như thế nào là đúng luật?

3

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- Nghị định số: 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.
- Nghị định số: 58/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.
- Nghị định số: 61/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.
- Thông tư số: 49/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính.



HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

4 - 12

Hỏi đáp

13 - 20

Các công văn liên quan đến chính sách thuế



HỎI ĐÁP

1. Hỏi:

Kính gửi Bộ tài chính: Tôi đang công tác ở Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện. Tôi nhận được đề nghị của BQL dự án huyện đề nghị thẩm định dự toán thu, chi quản lý dự án năm. Trong dự toán thu có nội dung: Nguồn thu hợp pháp khác (Lãi từ tài khoản tiền gửi). Xin cho hỏi: Lãi từ tài khoản tiền gửi (lãi phát sinh do các khoản tạm giữ tiền 5% chi phí tiền bảo hành các công trình phát sinh qua các năm) có phải là khoản thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hay không. Nếu là khoản thu hợp pháp thì trong dự toán chi của BQL dự án huyện được quyền chi theo nội dung chi hướng dẫn tại khoản 2, điều 12 và khoản 2 điều 13 Nghị định 141/2016/NĐ-CP của Chính phủ có đúng không. Xin trân trọng cảm ơn!

**Trả lời:**

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 Quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước:

Trường hợp giữa chủ đầu tư (Ban quản lý dự án huyện KrongChro, tỉnh Gia Lai) và nhà thầu có thỏa thuận trong hợp đồng về việc tạm giữ chưa thanh toán 5% chi phí bảo hành các công trình và thỏa thuận về việc chuyển tiền trên vào tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư mở tại Kho bạc Nhà nước thì thực hiện theo quy định của hợp đồng. Chủ đầu tư và nhà thầu chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý hợp đồng xây dựng.

Tại Điều 2 Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước; quy định về các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, Ban QLDA không quy định lãi phát sinh từ số tiền trong tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư (khoản tạm giữ 5% chi phí tiền bảo hành các công trình theo hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu) là khoản thu hợp pháp khác của Ban quản lý dự án./.

HỎI ĐÁP

2. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài Chính: Tôi muốn hỏi về chế độ hạch toán kế toán dự án.

Công ty Tôi hiện đang thực hiện 1 dự án. Mục tiêu của dự án: Được nhà nước giao đất cho thuê đất với mục đích sử dụng đất là đất thương mại dịch vụ kết hợp sản xuất, tiểu thủ công. Công ty Tôi được nhà nước giao đất cho thuê 50 năm đóng thuế 1 lần duy nhất cho suốt thời gian thuê, và được cấp sổ đỏ có thời hạn 50 năm cho diện tích đất được giao.

Trong quá trình thực hiện dự án công ty chúng Tôi có thực hiện các việc sau:

- Giải phóng đền bù diện tích đất nông nghiệp cho người dân (được bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp cho nhà nước)
- Thực hiện san nền, xây dựng hệ thống đường giao thông, điện nước....

Sau khi hoàn thành sẽ có 1 tòa nhà được xây dựng làm nhà nghỉ, đứng tên công ty. Còn lại chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất 50 năm theo từng lô cho các hộ kinh doanh, giá bán đất đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí.

Trả lời:

Về hạch toán kế toán, Công ty phải phân bổ số tiền thuê đất trả một lần theo tỷ lệ diện tích đất được sử dụng cho mục đích phân lô bán nền và diện tích đất được sử dụng để xây nhà nghỉ. Chi phí tiền thuê đất dùng cho mục đích phân lô bán nền sẽ được tập hợp vào Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang để tính giá thành thành phẩm bất động sản; chi phí tiền thuê đất để phục vụ cho mục đích xây dựng nhà nghỉ được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ và phân bổ theo thời gian thuê đất. Đối với chi phí tiền thuê đất của phần diện tích sử dụng chung như đường giao thông, rãnh thoát nước, thì phân bổ theo tỷ lệ của phần diện tích phân lô bán nền và phần đất phục vụ cho mục đích xây dựng nhà nghỉ.

Công ty hạch toán như sau:

- Khi Công ty thực hiện chi tiền đền bù, giải phóng mặt bằng hộ Nhà nước, do được bù trừ với tiền thuê đất, kế toán ghi:

Nợ TK 3337 - Thuế nhà đất, tiền thuê đất (Tổng số tiền chi giải phóng mặt bằng)

Có các TK 111, 112

(còn tiếp)

HỎI ĐÁP

2. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài Chính: Tôi muốn hỏi về chế độ hạch toán kế toán dự án.

Công ty Tôi hiện đang thực hiện 1 dự án. Mục tiêu của dự án: Được nhà nước giao đất cho thuê đất với mục đích sử dụng đất là đất thương mại dịch vụ kết hợp sản xuất, tiểu thủ công. Công ty Tôi được nhà nước giao đất cho thuê 50 năm đóng thuế 1 lần duy nhất cho suốt thời gian thuê, và được cấp sổ đỏ có thời hạn 50 năm cho diện tích đất được giao.

Trong quá trình thực hiện dự án công ty chúng Tôi có thực hiện các việc sau:

- Giải phóng đền bù diện tích đất nông nghiệp cho người dân (được bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp cho nhà nước)
- Thực hiện san nền, xây dựng hệ thống đường giao thông, điện nước....

Sau khi hoàn thành sẽ có 1 tòa nhà được xây dựng làm nhà nghỉ, đứng tên công ty. Còn lại chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất 50 năm theo từng lô cho các hộ kinh doanh, giá bán đất đã bao gồm các loại thuế, phí và lệ phí.

Trả lời (tiếp)

- Số tiền thuê đất Công ty phải nộp theo thông báo của cơ quan thuế, kế toán ghi:

Nợ TK 154 - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (số phân bổ cho phần diện tích dùng để phân lô bán nền)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước (số phân bổ cho phần diện tích xây dựng cho mục đích sử dụng của công ty)

Có TK 3337 - Thuế nhà đất, tiền thuê đất (tổng số tiền thuê đất phải nộp)

- Số tiền thuê đất còn phải nộp NSNN (nếu có), kế toán ghi:

Nợ TK 3337 - Thuế nhà đất, tiền thuê đất

Có các TK 111, 112.

- Định kỳ phân bổ tiền thuê đất (tương ứng với phần diện tích công ty xây dựng tòa nhà với mục đích làm nhà nghỉ)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 242 - Chi phí trả trước

HỎI ĐÁP

3. Hỏi:

Kính hỏi quý Bộ: Công ty của tôi có lao động sinh năm 1964, đóng BHXH được 37 năm, nay muốn tạm dừng đóng BHXH, bảo lưu thời gian đóng, nhưng vẫn làm việc và hưởng lương tại công ty. Vậy, hiện nay có chế độ nào như vậy không?

Trả lời:**BHXH Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:**

Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều 2, Khoản 1 Điều 124 Luật BHXH năm 2014, người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 3 tháng đến dưới 12 tháng, người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 1 tháng đến dưới 3 tháng (từ ngày 1/1/2018) thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc.

Người sử dụng lao động tham gia BHXH bắt buộc bao gồm cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác; cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng lao động.

Đối chiếu quy định trên, trường hợp lao động của công ty bà sinh năm 1964, đã đóng BHXH được 37 năm sau đó tiếp tục làm việc thì vẫn thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc. Hàng tháng, người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng và trích từ tiền lương của người lao động theo mức quy định để đóng cùng một lúc vào quỹ BHXH theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Luật BHXH năm 2014.

HỎI ĐÁP

4. Hỏi:

Kính gửi quý Bộ: Đơn vị tôi gặp vướng mắc như sau: Tháng 1/2016, bà A có hệ số lương 2,86. Từ tháng 9/2016 đến tháng 8/2017, bà A làm tổ trưởng tổ chuyên môn. Tháng 9/2017, bà thôi giữ chức tổ trưởng. Trong thời gian đó, đơn vị vẫn đóng đầy đủ BHXH nhưng quên không báo tăng mức phụ cấp cho cơ quan BHXH.

Tháng 3/2020, khi rà soát lại quá trình đóng BHXH của bà A, ông Hùng thấy chưa báo tăng hệ số phụ cấp nên ông đã báo tăng lại. Vậy, đơn vị tôi có phải đóng lãi do quên báo tăng hệ số phụ cấp cho bà A không?

Trả lời:**BHXH Việt Nam trả lời vấn đề này như sau:**

Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 122 Luật BHXH năm 2014 và Khoản 3 Điều 49 Văn bản hợp nhất Luật BHYT số 01/VBHN-VPQH ngày 10/7/2014, đơn vị chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi tính trên số tiền và thời gian chậm đóng.

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH bắt buộc, trường hợp sau 6 tháng kể từ ngày có quyết định điều chỉnh tăng tiền lương mới thực hiện truy đóng BHXH, BHTN thì số tiền truy đóng bao gồm số tiền phải đóng BHXH, BHTN và tiền lãi tính trên số tiền và thời gian truy đóng BHXH, BHTN.

Đối chiếu quy định nêu trên, nếu trường hợp đơn vị đã thực hiện trích, đóng vào quỹ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chậm lập hồ sơ điều chỉnh số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN thì không phải nộp tiền lãi chậm đóng.

HỎI ĐÁP

5. Hỏi:

Kính gửi quý Bộ: Cơ quan tôi là chủ đầu tư một công trình, do điều chỉnh thiết kế, nên dự toán cũng phải điều chỉnh. Dự toán trước đây được lập theo Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Xin hỏi, điều chỉnh dự toán tại thời điểm hiện nay thì áp dụng Nghị định số 32/2015/NĐ-CP hay áp dụng Nghị định số 68/2019/NĐ-CP?

**Trả lời:****Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:**

Việc chuyển tiếp áp dụng Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng được quy định tại Điều 36 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP, Điều 26 Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Theo nội dung câu hỏi của ông Dương Văn Định thì dự án được thực hiện quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo quy định của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Quá trình thực hiện do điều chỉnh thiết kế dẫn tới đến phải điều chỉnh dự toán.

Vì vậy, đây là dự án đã lựa chọn được tư vấn thiết kế và đang triển khai nên việc điều chỉnh dự toán xây dựng được tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP.

Việc điều chỉnh thiết kế, dự toán xây dựng phải phù hợp với các quy định pháp luật về xây dựng. Tuy nhiên cần lưu ý, việc điều chỉnh, cập nhật định mức, giá xây dựng, giá gói thầu thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu theo quy định các văn bản hiện hành tại thời điểm điều chỉnh do Người quyết định đầu tư quyết định trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc hiệu quả, tiến độ và tiết kiệm chi phí của dự án.

HỎI ĐÁP

6. Hỏi:

Kính gửi quý Bộ: Công ty tôi đang trong quá trình xin cấp chứng chỉ năng lực xây dựng, vậy công ty có thể được ký hợp đồng xây dựng nhận thầu không? Và trong trường hợp đã ký hợp đồng thực hiện công việc xây dựng nhưng chưa có chứng chỉ thì khi kiểm tra thanh tra công trình xây dựng đó, nhà thầu có bị vi phạm gì không? Chủ đầu tư công trình có bị ảnh hưởng gì không?

**Trả lời:****Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:**

Theo quy định tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng thì tổ chức phải có đủ điều kiện năng lực và được cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng đối với lĩnh vực thi công xây dựng.

Trường hợp tổ chức tham gia thi công xây dựng nhưng chưa có chứng chỉ năng lực thì tổ chức, chủ đầu tư đã vi phạm về điều kiện hoạt động xây dựng và lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng được quy định tại Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

HỎI ĐÁP

7. Hỏi:

Kính gửi quý Bộ: Công ty CP Bình Điền - Lâm Đồng do công ty mẹ là Công ty CP Phân bón Bình Điền nắm 51% vốn điều lệ. Công ty mẹ cũng là công ty CP do Tập đoàn Hóa chất nắm 65% vốn điều lệ. Hiện nay Công ty CP Bình Điền - Lâm Đồng đang chuẩn bị đầu tư dự án có tổng khái toán 450 tỷ đồng. Trong đó vốn tự có của Công ty là 50%, vốn vay thương mại 50%. Vậy khi thực hiện dự án Công ty có phải thực hiện theo Luật Đấu thầu không hay chỉ vận dụng để thực hiện dự án? Khi Công ty CP Bình Điền - Lâm Đồng đầu tư bằng vốn tự có của Công ty thì có phải là vốn của doanh nghiệp Nhà nước không? Vốn của doanh nghiệp Nhà nước bao gồm những nguồn vốn nào?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Điểm c Khoản 1 Điều 1 và Khoản 44 Điều 4 Luật Đấu thầu quy định dự án đầu tư phát triển không thuộc quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này có sử dụng vốn Nhà nước, vốn của doanh nghiệp Nhà nước từ 30% trở lên hoặc dưới 30% nhưng trên 500 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư của dự án thì thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu.

Vốn Nhà nước bao gồm vốn ngân sách Nhà nước; công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương; vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ; vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp; vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước; vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh; vốn vay được bảo đảm bằng tài sản của Nhà nước; vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp Nhà nước; giá trị quyền sử dụng đất.

Khoản 8 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014 quy định doanh nghiệp Nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Đối với vấn đề nêu trên, do Công ty CP Bình Điền – Lâm Đồng không phải là doanh nghiệp Nhà nước nên việc xác định dự án do Công ty này làm chủ đầu tư thuộc hoặc không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu phải căn cứ vào phần vốn Nhà nước, vốn của doanh nghiệp Nhà nước trong tổng mức đầu tư của dự án và đối chiếu với quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 1 Luật Đấu thầu.

HỎI ĐÁP

8. Hỏi:

Kính hỏi quý Bộ: Công ty chúng tôi có nhu cầu giới thiệu khách hàng cá nhân là người Việt Nam của Công ty đến một số tổ chức tín dụng để vay tiêu dùng. Xin hỏi, trường hợp sau khi Công ty thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì có quyền yêu cầu khách hàng hoàn trả phần nghĩa vụ bảo lãnh mà Công ty đã thực hiện cho tổ chức tín dụng thay khách hàng theo thỏa thuận bảo lãnh không?

Trả lời:

Khoản 1 Điều 335 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”.

Điều 340 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Bên bảo lãnh có quyền yêu cầu bên được bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ đối với mình trong phạm vi nghĩa vụ bảo lãnh đã thực hiện, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Khoản 14 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định: “14. Cấp tín dụng là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng và các nghiệp vụ tín dụng khác”.

Khoản 18 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 quy định: “Bảo lãnh ngân hàng là hình thức cấp tín dụng, theo đó tổ chức tín dụng cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc tổ chức tín dụng sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho tổ chức tín dụng theo thỏa thuận”.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Công văn số: 71766/CT-TTHT ngày 03/08/2020, Cục Thuế TP Hà Nội về việc sử dụng hóa đơn điện tử.

Trả lời công văn số 10.07 đến ngày 13/7/2020 của Chi nhánh Công ty TNHH Hwata Việt nam tại Hà Nội (sau đây gọi tắt là Chi nhánh) hỏi về sử dụng hóa đơn điện tử. Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Căn cứ Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Nghị định số 119/2018/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1/11/2018, Thông tư số 68/2019/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 14/11/2019. Trong thời gian từ ngày 1/11/2018 đến ngày 31/10/2020, trường hợp cơ quan thuế chưa thông báo Công ty chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định số 119/2018/NĐ-CP thì Công ty vẫn áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành. Theo đó:

1. Về miễn chữ ký số của người mua hàng trên hóa đơn điện tử

Trường hợp người mua không phải đơn vị kế toán hoặc là đơn vị kế toán nếu các hồ sơ, chứng từ chứng minh việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ giữa Công ty với người mua như:

Hợp đồng kinh tế, phiếu xuất kho, biên bản giao nhận hàng hóa, biên nhận thanh toán, phiếu thu, thì Công ty lập hóa đơn, trên hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có chữ ký điện tử của người mua (trừ trường hợp người mua là đơn vị kế toán thỏa thuận về việc người mua ký trên hóa đơn).

2. Về tiêu thức chữ ký của người đại diện pháp luật và dấu của người bán trên HĐĐT chuyển đổi sang giấy:

Trường hợp chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa hữu hình trong quá trình lưu thông và chỉ được chuyển đổi 1 (01) lần thì HĐĐT chuyển đổi sang hóa đơn giấy để chứng minh nguồn gốc xuất xứ hàng hóa phải đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư 32/2011/TT-BTC và phải có chữ ký người đại diện pháp luật của người bán, dấu của người bán.

Trường hợp chuyển đổi HĐĐT sang hóa đơn giấy để phục vụ lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán thì HĐĐT chuyển đổi sang hóa đơn giấy phải đáp ứng các quy định nêu tại Khoản 2, 3, 4 Điều 12 Thông tư 32/2011/TT-BTC.

3. Về xử lý đối với hóa đơn điện tử đã lập và chữ ký điện tử trên văn bản thỏa thuận khi phát hiện sai sót trên hóa đơn điện tử:

Trường hợp HĐĐT đã lập và gửi cho người mua có sai sót thì thực hiện xử lý đối với hóa đơn điện tử đã lập theo quy định tại Điều 9 Thông tư 32/2011/TT-BTC. Trường hợp người mua không có chữ ký điện tử thì người bán và người mua lập văn bản thỏa thuận bằng giấy ghi rõ sai sót có chữ ký của người bán và người mua.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

2. Công văn số: 73283/CT-TTHT ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế GTGT.

Trả lời công văn số 22/AMC.HN-KTHC đề ngày 29/7/2020 của Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam CN Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") hỏi về chính sách thuế GTGT, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Nghị định số 82/2028/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.
- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.
- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính
- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ các quy định nêu trên Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Về thuế GTGT:

Trường hợp Công ty cung ứng dịch vụ trực tiếp cho doanh nghiệp chế xuất và tiêu dùng trong khu phi thuế quan thì được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại tiết b Khoản 2 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC, trừ các dịch vụ quy định tại Khoản 3 Điều 9 Thông tư 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Thông tư 130/2016/TT-BTC). Khu phi thuế quan được xác định theo hướng dẫn tại Khoản 20 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC. Doanh nghiệp chế xuất được quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản do cơ quan đăng ký đầu tư có thẩm quyền trong trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 30 Nghị định 82/2018/NĐ-CP.

- Về hóa đơn:

Đối với các hóa đơn đã lập nếu phát hiện sai sót, Công ty nghiên cứu hướng dẫn sử lý hóa đơn đã lập theo nguyên tắc quy định tại Điều 20 Thông tư 39/2014/TT-BTC nêu trên và đối chiếu với tình hình thực tế để thực hiện đúng quy định.

Đề nghị Công ty căn cứ các quy định pháp luật về thuế, các quy định pháp luật khác có liên quan, đối chiếu tình hình thực tế và xác định doanh nghiệp đối tác có phải là doanh nghiệp chế xuất theo đúng quy định hay không để áp dụng chính sách thuế phù hợp.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

3. Công văn số: 3208/TCT-KK ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc hoàn thuế GTGT.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 1697/CT-KTNB ngày 28/4/2020 của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa về chính sách hoàn thuế GTGT đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH CaliforniaWellness Group - Chi nhánh Nha Trang Center, MST 0104902700-002. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Khoản 1, Khoản 2 Điều 84 Bộ luật dân sự (Luật số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015) quy định về chi nhánh, văn phòng đại diện.

Căn cứ Khoản 3 Điều 13 Luật thuế GTGT (Luật số 13/2008/QH13) đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 31/2013/QH13 quy định các trường hợp hoàn thuế.

Căn cứ Khoản 5 Điều 18 Thông tư số 219/TT-BTC ngày 31/12/2013 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC hướng dẫn các trường hợp hoàn thuế.

Căn cứ Điều 42 Thông tư số 156/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính quy định việc hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp.

Căn cứ Điều 16 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính quy định các trường hợp chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Căn cứ Điều 18 Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính quy định việc xử lý hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

Theo các căn cứ nêu trên: trường hợp Công ty TNHH CaliforniaWellness Group (bên bị sáp nhập) được sáp nhập vào Công ty TNHH Trung tâm thể dục thể hình & Yoga California (bên nhận sáp nhập) theo quy định của Luật doanh nghiệp, các đơn vị phụ thuộc của bên bị sáp nhập sẽ chấm dứt hoạt động theo hợp đồng sáp nhập nêu trên thì đơn vị chủ quản có tư cách pháp nhân là Công ty TNHH California Wellness Group có trách nhiệm hoàn thành tất cả nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc.

Do vậy, đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH CaliforniaWellness Group là Công ty TNHH CaliforniaWellness Group - Chi nhánh Nha Trang Center không được xem xét giải quyết hoàn số thuế GTGT còn được khấu trừ tại thời điểm chấm dứt hoạt động mà phải bàn giao số thuế này cho Công ty TNHH CaliforniaWellness Group để Công ty TNHH CaliforniaWellness Group thực hiện quyết toán thuế theo quy định pháp luật khi thực hiện sáp nhập vào Công ty TNHH Trung tâm thể dục thể hình & Yoga California.

.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

4. Công văn số: 74444/CT-TTHT ngày 11 tháng 8 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn chính sách thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ hợp đồng BOT.

Trả lời công văn số 2317/TCT319-TCKT ngày 24/11/2017 và công văn bổ sung hồ sơ số 2455/ TCT319-TCKT ngày 11/12/2017 của Tổng Công ty 319 Bộ Quốc phòng hỏi về chính sách thuế. Sau khi báo cáo Tổng cục Thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ

- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế; giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính.

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

Trường hợp việc chuyển nhượng toàn bộ các quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng BOT số 116.56/HĐ.BTOT-BGTVT của Công ty cho đối tác theo đúng quy định của pháp luật được

xác định là chuyển nhượng tài sản thì khi chuyển nhượng Công ty thực hiện lập hóa đơn và kê khai thuế GTGT theo quy định; giá tính thuế GTGT được xác định theo hướng dẫn tại Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và căn cứ theo hợp đồng chuyển nhượng.

Trường hợp việc chuyển nhượng toàn bộ các quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng BOT số 116.56/HĐ.BTOT-BGTVT của Công ty được xác định chuyển nhượng dự án đầu tư dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng theo đúng quy định của pháp luật thì thuộc trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính.

Đề nghị Công ty căn cứ vào tình hình thực tế, xác định bản chất hoạt động chuyển nhượng của đơn vị và đối chiếu với các quy định tại văn bản pháp luật để thực hiện đúng quy định.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

5. Công văn số: 3292/TCT-KK ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc kê khai, nộp thuế GTGT, TNDN.

Trả lời công văn số 114/CV-TCKT ngày 12/06/2020 của Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Quảng Nam-Đà Nẵng (MST 0400100841; sau đây gọi là "Công ty") về việc kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) đối với hoạt động cho thuê lại đất tại Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc thị xã Điện Bàn tỉnh Quảng Nam của Chi nhánh Công ty cổ phần phát triển đô thị và khu công nghiệp Quảng Nam-Đà Nẵng; sau đây gọi là "Chi nhánh", Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật và có trụ sở chính tại thành phố Đà Nẵng. Công ty có thành lập Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại tỉnh Quảng Nam thì việc kê khai, nộp thuế tại Chi nhánh được thực hiện như sau:

- **Về thuế GTGT:** Chi nhánh thực hiện kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- **Về thuế TNDN:** Chi nhánh tạm nộp thuế TNDN theo hướng dẫn tại Khoản 4 Điều 16 Thông tư số 151/2014/TT-BTC. Kết thúc năm tính thuế, Công ty thực hiện quyết toán thuế TNDN cho cả hoạt động của chi nhánh tại cơ quan thuế quản lý trụ sở chính. Trường hợp số thuế đã tạm nộp trong năm thấp hơn số thuế phải nộp theo tờ khai quyết toán thuế

TNDN thì doanh nghiệp phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào Ngân sách Nhà nước tại trụ sở chính.

6. Công văn số: 3359/TCT-DNL ngày 14/8/2020 về hóa đơn điện tử và kê khai, nộp thuế tập trung tại trụ sở chính.

1. Về khai, nộp thuế tập trung tại Trụ sở chính

Trường hợp Ngân hàng TMCP Bản Việt hạch toán tập trung tại trụ sở chính, có chi nhánh phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì Ngân hàng TMCP Bản Việt thực hiện khai thuế tại trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Việc tính, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương sẽ thực hiện theo quy định tại Nghị định, Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế.

2. Về thực hiện hóa đơn điện tử

Trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến ngày 31/10/2020, Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ vẫn còn hiệu lực thi hành. Do đó, đề nghị Ngân hàng TMCP Bản Việt thực hiện hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

7. Công văn số: 76731/CT-TTHT ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn chính sách thuế đối với tiền hỗ trợ.

Trả lời công văn số 239/MIPEC/HC ghi ngày 12/06/2020 của Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội và Công ty Cổ phần Hoa Cương vướng mắc về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ.

- Căn cứ quy định trên, trường hợp Tổng công ty Vận tải Hà Nội nhận được khoản tiền hỗ trợ từ Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội và Công ty Cổ phần Hoa Cương theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác các bên đã ký theo đúng quy định của pháp luật thì thuộc trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC, khi nhận khoản tiền hỗ trợ nêu trên Tổng công ty Vận tải Hà Nội lập chứng từ thu theo quy định. Đối với cơ sở kinh doanh chi tiền, căn cứ mục đích chi để lập chứng từ chi tiền.

Trường hợp Tổng công ty Vận tải Hà Nội nhận tiền của đối tác để thực hiện dịch vụ cho đối tác (như sửa chữa, bảo hành, khuyến mại, quảng cáo) thì phải kê khai, nộp thuế theo quy định.

8. Công văn số: 3439/TCT-KK ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc vướng mắc hoàn thuế.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 551/CT-KK ngày 28/04/2020 của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng về việc vướng mắc hoàn thuế với trường hợp của Công ty CP chuyển giao công nghệ quốc tế Asean (Công ty Asean). Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012.

Căn cứ quy định nêu trên và theo hồ sơ kèm theo công văn 551/CT-KK ngày 28/04/2020 của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng.

Trường hợp Công ty Asean đã tạm nộp tiền thuế khoán vào tài khoản thu ngân sách của huyện Nguyên Bình theo Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 29/8/2008 của UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt kết quả đấu giá mức nộp thuế khoán khai thác vàng. Tuy nhiên, do không bàn giao được mặt bằng khai thác khoáng sản, UBND tỉnh Cao Bằng đã có Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 30/01/2013 quyết định chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản và hoàn trả tiền thuế khoán đã nộp của Công ty Asean. Mặc dù, cơ quan thuế đã nhiều lần gửi văn bản hướng dẫn thủ tục đề nghị hoàn trả nhưng Công ty Asean không thực hiện nên cơ quan thuế chưa xử lý hoàn trả cho Công ty ASEAN được.

Đến ngày 4/5/2020, Công ty Asean gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế đến cơ quan thuế thì:

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

Hiện nay, pháp luật quản lý thuế không có quy định giải quyết hoàn nộp thừa cho khoản nộp ngân sách nhà nước có thời hạn quá 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước (ngày 22/12/2008). Vì vậy, cơ quan thuế không có cơ sở pháp lý để giải quyết hoàn thuế cho Công ty Asean. Đề nghị của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng bố trí ngân sách địa phương để thực hiện chi trả số tiền đã tạm nộp thuế khoán của Công ty Asean.

9. Công văn số: 5589/TCHQ-TXNK ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tổng cục Hải quan về việc chính sách thuế đối với DNCX.

Trả lời công văn số 08/2020-HQ&T ngày 13/6/2020 của Công ty TNHH may mặc thời trang Renaissance về vướng mắc liên quan đến chính sách thuế đối với doanh nghiệp chế xuất (DNCX), Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Trường hợp DNCX nhận gia công cho DNCX khác

- a) Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Trường hợp DNCX thuê DNCX khác gia công thì hàng hóa đưa đi gia công tại DNCX khác không thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.
- b) Về thuế GTGT đối với dịch vụ gia công của DNCX cung cấp cho DNCX khác: Trường hợp DNCX nhận gia công cho DNCX khác là quan hệ mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa các khu phi thuế quan nên thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

2. Trường hợp DNCX nhận gia công cho DN nội địa

a) Đối với doanh nghiệp nội địa:

Về thuế nhập khẩu: Trường hợp DNCX nhận gia công cho DN nội địa, khi nhận lại sản phẩm đặt gia công từ DNCX thì DN nội địa phải kê khai, nộp thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 8 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, khoản 2 Điều 22 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP. Trị giá tính thuế nhập khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 39/2015/TT-BTC, không tính vào trị giá hải quan sản phẩm sau gia công trị giá của vật tư, nguyên liệu mà DN nội địa đã đưa đi gia công tại DNCX theo hợp đồng gia công.

Về thuế GTGT: DN nội địa phải kê khai, nộp thuế GTGT theo giá tính thuế GTGT quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

b) Đối với DNCX:

Về thuế GTGT đối với dịch vụ gia công của DNCX cung cấp cho DN nội địa: Trường hợp hoạt động gia công của DNCX thuộc hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam theo quy định tại khoản 7 Điều 30 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ thì DNCX hạch toán riêng và kê khai, nộp thuế GTGT riêng đối với hoạt động gia công nêu trên với thuế suất thuế GTGT 10%.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

10. Công văn số: 77569/CT/TTHT ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc chính sách thuế GTGT đối với hoạt động định giá tài sản.

Trả lời công văn số 51463.20/VIBAMC đề ngày 23/7/2020 của Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIBAMC) (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế GTGT đối với hoạt động định giá tài sản, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp dịch vụ thẩm định tài sản mà Công ty cung cấp được xác định là dịch vụ tài chính, ngân hàng theo quy định tại Khoản 8 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC (được sửa đổi bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 26/2015/TT-BTC) thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Trường hợp dịch vụ thẩm định tài sản mà Công ty cung cấp không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 4 thông tư 219/2013/TT-BTC thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo quy định.

Đề nghị Công ty căn cứ các quy định pháp luật về thuế GTGT, các quy định pháp luật khác có liên quan, đối chiếu tình hình thực tế, xác định loại hình doanh nghiệp của Công ty cũng như bản chất của hoạt động thẩm định tài sản để thực hiện đúng quy định.

11. Công văn số: 3530/TCT-KK ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc chính sách về thuế đối với dự án đầu tư chấm dứt hoạt động.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 1232/CT-KK ngày 04/7/2019, công văn số 288/CT-KK ngày 24/2/2020 của Cục Thuế tỉnh Hậu Giang xin ý kiến giải quyết trường hợp thu hồi hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư chấm dứt hoạt động. Về việc này, Tổng Cục Thuế có ý kiến như sau:

Trường hợp dự án đầu tư "Nhà máy sản xuất bột giấy tẩy trắng sản lượng 330.000 tấn/năm" của Công ty Lee&Man Việt Nam chấm dứt hoạt động theo thông báo số 348/TB-BQL ngày 7/5/2018 của Ban quản lý khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang thì Cục Thuế tỉnh Hậu Giang và Công ty thực hiện xử lý số thuế giá trị gia tăng đã được hoàn theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính. Trường hợp, Công ty Lee&Man Việt Nam không chủ động kê khai điều chỉnh, nộp lại số tiền thuế phải thu hồi hoàn thì Cục thuế thực hiện thu hồi hoàn và xử phạt vi phạm hành chính thuế theo thẩm quyền.

Để đảm bảo quản lý thuế đối với dự án đầu tư chấm dứt hợp đồng, đề nghị Cục Thuế tỉnh Hậu Giang phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành về đầu tư trên địa bàn yêu cầu, hướng dẫn Công ty Lee&Man Việt Nam thực hiện thủ tục thanh lý dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Khoản 5 Điều 41 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 21/11/2015 của Chính phủ.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- | | |
|---------|---|
| 22 - 23 | Chính sách doanh nghiệp, kiểm toán có hiệu lực từ tháng 9/2020. |
| 24 | Hóa đơn điện tử có được đính kèm bảng kê. |
| 25 - 26 | Hướng dẫn cách kê khai bổ sung tờ khai thuế GTGT. |
| 27 - 28 | Hủy hóa đơn điện tử đã phát hành như thế nào là đúng luật? |



Chính sách doanh nghiệp, kiểm toán có hiệu lực từ tháng 9/2020.

1. Rút ngắn thời gian công bố thông tin trước đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp

Nghị định 81/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 163/2018/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp (DN) chính thức có hiệu lực từ 01/9/2020.

Theo đó, tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt phát hành trái phiếu, DN phát hành thực hiện công bố thông tin trước đợt phát hành cho nhà đầu tư và gửi nội dung công bố cho Sở Giao dịch chứng khoán.

(Hiện hành, tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đợt phát hành trái phiếu).

- Nội dung công bố thông tin trước đợt phát hành theo Mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định 163;
- Đối với phát hành trái phiếu xanh, ngoài Mẫu tại Phụ lục 1, DN phát hành phải công bố thông tin về quy trình quản lý, giải ngân vốn từ phát hành trái phiếu xanh theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định 163;
- DN phát hành gửi nội dung công bố thông tin trước đợt phát hành đến các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu và Sở Giao dịch Chứng khoán theo hình thức hồ sơ giấy hoặc hồ sơ điện tử.

2. Chế độ báo cáo của tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu

Thông tư 77/2020/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 81/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 163/2018/NĐ-CP quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành từ ngày 28/9/2020.

Theo đó, tổ chức tư vấn phát hành trái phiếu thực hiện báo cáo định kỳ 06 tháng và hàng năm về việc tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 81/2020/NĐ-CP.

Báo cáo gồm những nội dung sau:

- Số lượng hợp đồng tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong kỳ, khối lượng phát hành thành công trong kỳ;
- Việc tuân thủ quy định về điều kiện và hồ sơ phát hành trái phiếu của các hợp đồng tư vấn phát hành đã thực hiện trong kỳ theo quy định tại Nghị định 163/2018/NĐ-CP và Nghị định số 81/2020/NĐ-CP.

Thời hạn báo cáo:

- Đối với báo cáo 06 tháng, chậm nhất là ngày 31/7 hàng năm;
- Đối với báo cáo năm, chậm nhất là ngày 31/01 năm tiếp theo.

3. Mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp từ 01/9/2020

Ngày 10/7/2020, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 66/2020/TT-BTC về việc ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp từ ngày 01/9/2020.

Theo đó, mẫu Quy chế kiểm toán này áp dụng đối với:

- Công ty niêm yết;
- Doanh nghiệp mà nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con;
- Doanh nghiệp nhà nước là công ty mẹ hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Các doanh nghiệp không thuộc diện nêu trên được khuyến khích xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ trên cơ sở tham chiếu mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ ban hành kèm theo Thông tư 66.

4. Mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ dùng cho CQNN, ĐVSN công

Đây là nội dung tại Thông tư 67/2020/TT-BTC ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, có hiệu lực từ ngày 01/9/2020.

Theo đó, 03 mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ được ban hành bao gồm:

- (1) Quy chế mẫu áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (Phụ lục 1);
- (2) Quy chế mẫu áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập (Phụ lục 2);
- (3) Quy chế mẫu áp dụng đối với UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Phụ lục 3).

Mẫu Quy chế kiểm toán nội bộ làm cơ sở cho các CQNN, ĐVSN công lập tham chiếu trong việc xây dựng Quy chế kiểm toán nội bộ đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019.

Hóa đơn điện tử có được đính kèm bảng kê.

Khi sử dụng hóa đơn giấy nếu danh mục hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn quá dài doanh nghiệp được phép đính kèm bảng kê. Tuy nhiên, khi chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử thì người bán hàng có được lập hóa đơn đính kèm bảng kê không?

Có nhiều doanh nghiệp khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ với số lượng lớn và nhiều mã sản phẩm. Do vậy, khi thực hiện tạo lập – xuất hóa đơn, kế toán của doanh nghiệp sẽ phải làm như thế nào cho đúng quy định?

Trong bài viết này, tác giả sẽ hướng dẫn Doanh nghiệp giải đáp vướng mắc cho trường hợp trên như sau:

- Theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/09/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Theo quy định tại Khoản 1,3 Điều 26; Khoản 1,2 Điều 27 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Theo quy định tại Khoản 1,3 Điều 3; Điều 6 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hoá đơn điện tử bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ.

Nghị định số 119/2018/NĐ-CP có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2018, Thông tư số 68/2019/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 14/11/2018, trong thời gian từ ngày 01/11/2018 đến 31/10/2020, trường hợp cơ quan thuế chưa thông báo Doanh nghiệp chuyển đổi để sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 119/2018/NĐ-CP thì Doanh nghiệp vẫn áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Theo đó, Hoá đơn điện tử bản chất là tập hợp các thông điệp dữ liệu điện tử về bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, được khởi tạo, lập, gửi, nhận, lưu trữ và quản lý bằng phương tiện điện tử, số dòng có thể tăng lên tùy theo số lượng hàng hoá, sản phẩm có trên hoá đơn. Khi bán hàng hóa Doanh nghiệp xuất hóa đơn điện tử cho khách hàng thì Doanh nghiệp phải lập đầy đủ danh mục hàng hóa, dịch vụ bán ra đảm bảo nguyên tắc thông tin chứa trong hóa đơn điện tử có thể truy cập, sử dụng được dưới dạng hoàn chỉnh khi cần thiết theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính. Trường hợp Doanh nghiệp lập hóa đơn điện tử không hiển thị đầy đủ danh mục hàng hóa, dịch vụ bán ra mà lại kèm theo bảng kê giấy cho khách hàng trong đó có những hàng hóa, dịch vụ không được hiển thị trên hóa đơn điện tử là không phù hợp theo quy định về hóa đơn điện tử.

Hướng dẫn cách kê khai bổ sung tờ khai thuế GTGT.

Nếu phát hiện ra sai sót của tờ khai thuế GTGT thì kế toán có thể điều chỉnh bằng cách kê khai bổ sung. Hãy theo dõi bài viết sau để biết cách kê khai bổ sung tờ khai thuế GTGT.

Khi nào cần kê khai bổ sung?

Khi quá thời hạn nộp tờ khai thuế GTGT mà kế toán phát hiện ra tờ khai thuế đã kê khai và nộp cho cơ quan thuế bị sai thì có thể làm kê khai bổ sung bất cứ khi nào miễn là trước khi có quyết định thanh kiểm tra của Cơ quan thuế.

Ví dụ: Doanh nghiệp A kê khai thuế GTGT theo quý. Thời hạn kê khai thuế GTGT quý 1 năm 2020 là từ ngày 01/04/2020 đến 30/04/2020. Kế toán nộp tờ khai thuế GTGT quý 1/2020 ngày 20/04/2020. Nhưng đến ngày 26/04/2020 phát hiện kê khai sai tờ khai thuế GTGT của quý 1/2020. Lúc này kế toán có thể làm tờ khai điều chỉnh bổ sung.

Những trường hợp kê khai sai

Có 2 trường hợp kê khai sai là: Kê khai sai Hóa đơn đầu vào và kê khai sai Hóa đơn đầu ra:

- Trường hợp Hóa đơn GTGT đầu vào bị kê khai sai: Xảy ra trong trường hợp Hóa đơn đầu vào là hợp pháp, hợp lý, hợp lệ nhưng kế toán kê sai số tiền hoặc kê khai hai lần. Hoặc hóa đơn không thỏa mãn điều kiện được khấu trừ mà kế toán vẫn kê.
- Trường hợp Hóa đơn GTGT đầu ra bị kê khai sai hoặc bỏ sót: Xảy ra do kê sai số tiền hoặc Kê khai 2 lần. Hoặc bỏ sót hóa đơn đầu ra chưa kê khai.

Cách kê khai bổ sung tờ khai thuế GTGT

- Trong phần mềm HTKK. Vào tờ khai của tháng (quý) bị kê khai sai, chọn nút tờ khai bổ sung và chọn lần...
- Sau khi bấm “Đồng ý”. Chúng ta tiến hành điều chỉnh trực tiếp những chỉ tiêu sai thành chỉ tiêu đúng.

- Sau điều chỉnh và Ghi lại, trong mục “Tổng hợp KHBS” chúng ta theo dõi số ngày chậm nộp và số tiền chậm nộp.
- Sau đó, điền lý do điều chỉnh tờ khai rồi kết xuất XML để lưu.
- Tiến hành nộp lại tờ khai bổ sung vừa kết xuất XML qua mạng.
- Tiến hành nộp tiền thuế GTGT truy thu và tiền chậm nộp thuế GTGT (Nếu có).
- Tiến hành điều chỉnh sổ sách kế toán sao cho số tiền VAT giữa sổ và Tờ khai khớp nhau tại kỳ kê khai. Tùy theo tình hình thực tế sổ sách mà sẽ có những hướng điều chỉnh khác nhau.

Người nộp thuế có quyền giải quyết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, nộp thừa theo thứ tự quy định sau:

Bù trừ tự động với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ hoặc còn phải nộp của cùng loại thuế theo hướng dẫn khoản 1 Điều 29 của Thông tư số 156/2013/TT-BTC: Trường hợp người nộp thuế vừa có số tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền chậm nộp, tiền thuế phát sinh, tiền phạt thì người nộp thuế phải ghi rõ trên chứng từ nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt theo thứ tự thanh toán sau đây:

- Tiền thuế nợ;
- Tiền thuế truy thu;
- Tiền chậm nộp;
- Tiền thuế phát sinh;
- Tiền phạt.

Bù trừ tự động với số tiền phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo của từng loại thuế có cùng nội dung kinh tế (tiểu mục) quy định của mục lục ngân sách nhà nước. Trường hợp quá 6 tháng kể từ thời điểm phát sinh số tiền thuế nộp thừa mà không phát sinh khoản phải nộp tiếp theo thì thực hiện theo hướng dẫn tại điểm c khoản này.

Hủy hóa đơn điện tử đã phát hành như thế nào là đúng luật?

Hóa đơn điện tử (HĐĐT) khi đã phát hành vì lí do gì đó mà không sử dụng đến nữa, doanh nghiệp cần phải tiến hành hủy hóa đơn điện tử đó. Nhưng doanh nghiệp cần phải lưu ý hủy đúng cách và đúng quy trình.

Khi nào doanh nghiệp cần phải hủy hóa đơn điện tử

Trước khi tiến hành hủy hóa đơn điện tử, doanh nghiệp cần phải nắm được thời điểm nào mình cần hủy. Dựa trên quy định về HĐĐT, khi mà HĐĐT đã phát hành nhưng sau đó doanh nghiệp nhận ra có sai sót ở HĐĐT. Lúc này doanh nghiệp có thể tiến hành hủy HĐĐT. Cụ thể một số những trường hợp như sau:

Khi HĐĐT đã được lập, bên phía bán hàng đã gửi HĐĐT này đến cho người mua hàng hóa, dịch vụ của mình. Nhưng hóa đơn này chưa được giao đến người mua hàng đã phát hiện ra thông tin sai sót ở trên hóa đơn điện tử

Khi HĐĐT đã được doanh nghiệp lập và tiến hành gửi cho bên mua hàng. Nhưng ở bên mua hàng và cả bên bán hàng vẫn chưa thực hiện kê khai thuế.

Khi doanh nghiệp gặp cả hai trường hợp trên, doanh nghiệp cần phải tiến hành làm thủ tục hủy hóa đơn điện tử đã được phát hành trước đó. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần phải lập thêm một HĐĐT khác để thay thế cho HĐĐT vừa mới hủy.

Lưu ý trong quá trình tiến hành hủy HĐĐT

Khi tiến hành hủy hóa đơn, doanh nghiệp cần phải lưu ý một số vấn đề sau:

Doanh nghiệp cần phải có sự đồng ý và xác nhận của cả hai bên mua hàng và bên bán hàng mới được phép hủy hóa đơn điện tử. Và thời gian hủy chỉ có hiệu lực trong khoảng thời gian của cả hai bên đã thỏa thuận và quy định.

Đối với những HĐĐT đã được hủy, doanh nghiệp vẫn cần phải tiến hành lưu trữ dựa trên thời gian mà pháp luật đã quy định.

Sau khi đã thực hiện hủy HĐĐT, bên bán hàng bắt buộc phải tiến hành lập ra HĐĐT mới. Hóa đơn này sẽ gửi đến cho bên mua hàng để thay thế cho HĐĐT cũ.

Ở trên HĐĐT bắt buộc phải có dòng chữ “Hóa đơn này thay thế cho hóa đơn....; Ký hiệu....; gửi ngày... tháng... năm...”

Hướng dẫn cách hủy hóa đơn điện tử

Hủy hóa đơn điện tử đã phát hành như thế nào là đúng luật?

Khi tiến hành hủy HĐĐT, doanh nghiệp cần phải thực hiện đúng với quy định của pháp luật. Doanh nghiệp sẽ thực hiện hủy hóa đơn dựa trên các bước như sau:

Bước 1. Lập biên bản về việc hủy bỏ HĐĐT

Đối với bước này, ở trong nội dung của biên bản về việc hủy bỏ HĐĐT doanh nghiệp. Bên phía doanh nghiệp bắt buộc cần phải ghi rõ ràng về nội dung trong hóa đơn cần phải điều chỉnh trong hóa đơn mới. Và trong biên bản này, yêu cầu bắt buộc cần phải có đầy đủ chữ ký của cả hai bên. Bao gồm chữ ký của bên mua hàng và bên bán hàng.

Bước 2. Thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã được phát hành

Trong thao tác thực hiện hủy bỏ hóa đơn điện tử đã được lập. Doanh nghiệp sẽ thực hiện ở ngay trên phần mềm của HĐĐT mà doanh nghiệp mình đang sử dụng.

Để thực hiện được bước hủy hóa đơn này, bạn cần phải đăng nhập vào trong hệ thống. Sau đó bạn tiến hành khai báo thông tin về việc “Thông báo kết quả hủy hóa đơn”.

Sau đó, bạn sẽ thực hiện lưu lại thông báo về kết quả hủy hóa đơn, đừng quên xuất ra file XML. File này sẽ được sử dụng để nộp lên cho cơ quan thuế.

Khi hồ sơ của bạn đã tạo xong và chuyển nộp cho bên cơ quan Thuế. Lưu ý bạn nên để HĐĐT đã hủy của mình ở trong trạng thái đã nộp cho bên cơ quan thuế. Việc này sẽ giúp bạn dễ dàng có thể kiểm soát được những hóa đơn của mình ở trên hệ thống.

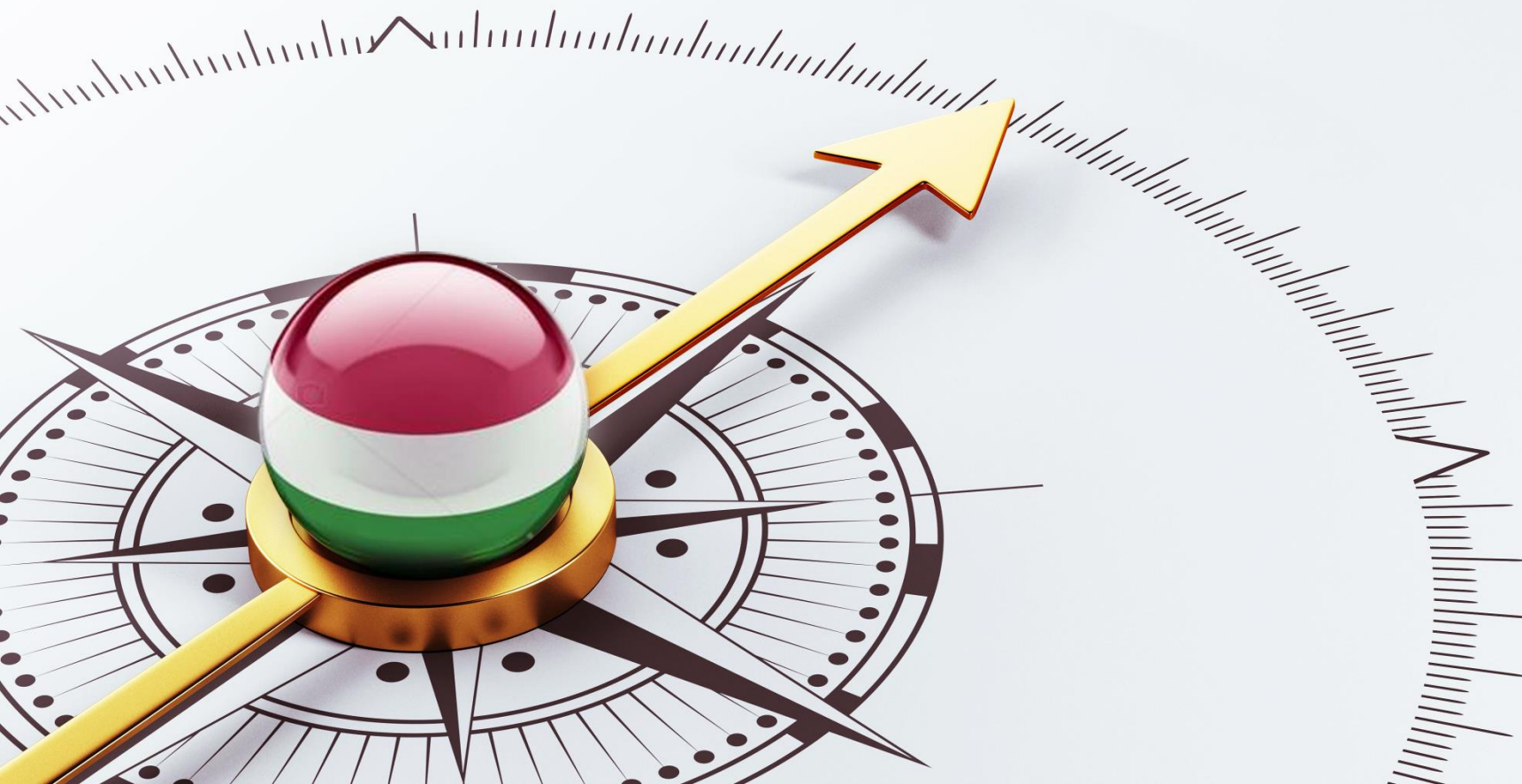
Bước 3. Thiết lập HĐĐT để thay thế ở trên phần mềm

Sau khi bạn đã thực hiện đầy đủ cả 3 bước trên, việc cuối cùng mà bạn cần làm đó là lập hóa đơn mới để thay thế cho hóa đơn đã bị hủy trước đó. Yêu cầu đối với hóa đơn thay thế, cần phải lập đúng với quy định của pháp luật. Và không được thiếu dòng chữ “Hóa đơn này thay thế cho hóa đơn...” ở trên hóa đơn.

ở trên HĐĐT bắt buộc phải có dòng chữ “Hóa đơn này thay thế cho hóa đơn....; Ký hiệu....; gửi ngày... tháng... năm...”

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- | | |
|----|--|
| 30 | Nghị định số: 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ. |
| 31 | Nghị định số: 58/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ. |
| 32 | Nghị định số: 61/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ. |
| 33 | Thông tư số: 49/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính. |



Nghị định số: 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 56/2020/NĐ-CP Về quản lý sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

Cụ thể, vốn vay ODA, vay ưu đãi được sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên. Không sử dụng vốn vay nước ngoài để nộp thuế, trả các loại phí, lãi suất tiền vay, mua sắm ô tô (trừ ô tô chuyên dụng được cấp có thẩm quyền quyết định), vật tư, thiết bị dự phòng cho quá trình vận hành sau khi dự án hoàn thành; chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí hoạt động của Ban Quản lý dự án.

Bên cạnh đó, thời gian thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi chương trình, dự án kể từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với Chương trình mục tiêu quốc gia không quá 60 ngày; Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia) không quá 45 ngày; Dự án nhóm A không quá 45 ngày.

Ngoài ra, Chính phủ cũng hướng dẫn việc lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi; Trình tự, thủ tục thẩm định và quyết định phê duyệt Văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án;

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 25/5/2020. Nghị định này làm hết hiệu lực Nghị định 16/2016/NĐ-CP quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Nghị định 132/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 16/2016/NĐ-CP.

Nghị định số: 58/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2020/NĐ-CP Quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Theo đó, mức đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) cho người lao động vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bình thường là 0,5% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH (áp dụng đối với cả công chức, viên chức lực lượng vũ trang thuộc các cơ quan Đảng, Nhà nước...). Trong trường hợp doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện theo quy định thì có thể áp dụng mức đóng thấp hơn là 0,3% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng BHXH.

Doanh nghiệp được phép áp dụng mức đóng bảo hiểm xã hội thấp hơn mức đóng bình thường nếu trong 03 năm liền trước năm đề xuất: không bị xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội; báo cáo định kỳ tai nạn lao động, an toàn, vệ sinh lao động, chính xác, đầy đủ, đúng hạn và có tần suất tai nạn lao động giảm từ 15% trở lên so với trung bình của 03 năm liền trước năm đề xuất.

Mức đóng thấp hơn mức quy định được thực hiện trong vòng 36 tháng, kể từ ngày quyết định áp dụng mức đóng có hiệu lực. Nếu người sử dụng lao động vẫn có nhu cầu tiếp tục đóng mức thấp hơn mức đóng bình thường vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thì phải lập hồ sơ đề xuất theo quy định và gửi trước khi hết hạn 60 ngày.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 15/07/2020.

Nghị định này:

- Làm hết hiệu lực Nghị định 44/2017/NĐ-CP quy định mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Làm hết hiệu lực một phần Nghị định 143/2018/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Bảo hiểm xã hội và Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm bắt buộc đối với người lao động là công dân nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Nghị định số: 61/2020/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 Chính phủ ban hành Nghị định số 61/2020/NĐ-CP về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

Theo đó, Chính phủ bổ sung thêm những loại giấy tờ có thể sử dụng trong hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp. Cụ thể, bên cạnh hợp đồng lao động hay quyết định thôi việc, có thể nộp bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu của một trong các giấy tờ sau đây xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc:

Thứ nhất, xác nhận của người sử dụng lao động trong đó có nội dung cụ thể về thông tin của người lao động; loại hợp đồng lao động đã ký; lý do, thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động.

Thứ hai, xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc doanh nghiệp hoặc hợp tác xã giải thể, phá sản hoặc quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với các chức danh được bổ nhiệm trong trường hợp người lao động là người quản lý doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã.

Đặc biệt, người lao động không có các giấy tờ xác nhận về việc chấm dứt hợp đồng lao động do đơn vị sử dụng lao động không có người đại diện theo pháp luật và người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền thì Sở Lao động Thương binh và Xã hội hoặc Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh gửi văn bản yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư xác nhận và trả lời lại về nội dung trên trong thời hạn 10 ngày làm việc.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/7/2020.

Nghị định này làm hết hiệu lực một phần Nghị định 28/2015/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp.

Thông tư số: 49/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 49/2020/TT-BTC Quy định mức thu, nộp phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

Theo đó, tổ chức, cá nhân khi yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển nộp phí như sau:

Trước hết, từ ngày 01/6/2020 đến hết ngày 31/12/2020, trường hợp yêu cầu cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc đăng ký giao dịch bảo đảm nộp phí bằng 80% mức thu phí quy định tại điểm a, b, d Khoản 1 Điều 4 Thông tư 202/2016/TT-BTC và 80% mức thu phí quy định tại điểm c, đ Khoản 1 Điều 1 Thông tư 113/2017/TT-BTC.

Tiếp theo, trường hợp yêu cầu cơ quan, đơn vị thực hiện cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản (trừ tàu bay), tàu biển nộp phí bằng 80% mức thu phí quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư 202/2016/TT-BTC.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/6/2020 đến hết ngày 31/12/2020.

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc văn phòng
VG Building, số 235
Nguyễn Trãi, Thanh
Xuân, TP. Hà Nội.

Phone: 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN.MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà Hoang
Anh Safomec, 7/1 Thanh
Thai, P.14, Q.10, TP. Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Phone: 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN.MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, P Trần Hưng Đạo
Q Hoàn Kiếm, TP .Hà
Nội, Việt Nam

Phone: 024 73061268

Fax: 024 7306 1269

VP.ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà
Đường Tố Hữu, Q Nam
Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Phone: 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

